TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS – ST
Ngày 09/5/2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thủy và bà Nguyễn Thị Minh Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Hiếu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST – DS ngày 24/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 19/4/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Bà Lê Thị Thanh H** – Sinh năm: 1973 - Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

* *Đồng bị đơn:* - **Ông Trần Thọ Đ** – Sinh năm: 1972 - Trú tại: Bản Y, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

- **Bà Võ Thị C** – Sinh năm: 1973 - Trú tại: Bản Y, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ông Bùi Công C** – Sinh năm: 1970 - Trú tại: Thôn 9, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2022, lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H trình bày:

Ngày 14/10/2018, vợ chồng ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C có vay của bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C số tiền 70.000.000 đồng, hẹn đến ngày

14/11/2018 sẽ trả nợ. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông Đ và bà C khất nợ và đến ngày 20/01/2019, ông Đ bà C tiếp tục vay của bà H và ông C số tiền 40.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/02/2019 trả hết nợ cả 2 lần vay. Tổng số tiền ông Đ, bà C đã vay của bà H và ông C là 110.000.000 đồng. Cả 2 lần vay đều có giấy vay nợ và thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng. Khi đến hạn trả nợ nhưng ông Đ bà C vẫn không trả nợ. Đến tháng 9/2019 bà H pH đi chấp hành hình phạt tù về tội "Đánh bạc", sau khi về, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Đ bà C trả nợ nhưng ông Đ bà C vẫn không trả. Đến cuối năm 2022, bà H có mua thịt lợn của bà C với số tiền là 4.000.000 đồng nên trừ vào số tiền ông Đ bà C đã vay. Vì vậy, số tiền nợ gốc còn lại ông C bà Đ còn nợ bà H ông C là 106.000.000 đồng. Đến nay, bà H ông C đã hỏi rất nhiều lần nhưng ông Đ bà C vẫn không trả nợ. Nay bà Lê Thị Thanh H yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C số tiền nợ gốc là 106.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày 20/01/2019 đến nay.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị C trình bày:

Vào ngày 14/10/2018, vợ chồng bà là Võ Thị C và Trần Thọ Đ có vay của bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 20/01/2019, vợ chồng ông Đ bà C tiếp tục vay của bà H ông C số tiền 40.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Đ và bà C vay của bà H ông C là 110.000.000 đồng. Mặc dù, việc vay tiền là do cả 2 vợ chồng ông Đ bà C đến nhà bà H vay và ký vào giấy vay tiền. Tuy nhiên, số tiền 2 lần vay này là do bà C vay hộ cho người khác, không liên quan đến chồng bà là ông Trần Thọ Đ. Lý do cả ông Đ cùng ký vào giấy vay tiền là vì bà H và ông C yêu cầu cả 2 vợ chồng ông Đ và bà C cùng ký mới cho vay tiền. Do bà C vay hộ tiền cho người khác nên bà C có trách nhiệm trả nợ cho bà H, ông Đ không liên quan. Tuy nhiên, khi vay tiền bà H tính lãi suất nặng lãi là 5.000 đồng/1triệu/1ngày, vì vậy số tiền lãi suất hàng tháng bà C đã trả cho bà H là 12.300.000 đồng/tháng từ ngày vay cho đến ngày 01/3/2021 (âm lịch) thì bà C không có tiền để trả lãi suất cho bà H nữa. Đối với số tiền gốc, bà C đã trả được tổng số tiền 24.000.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng bà C trả cho ông C nhận, ông C đã ghi vào sổ do ông C giữ và 4.000.000 đồng là tiền thịt lợn bà H mua của bà C. Vì vậy, tổng số tiền nợ gốc bà C còn nợ bà H là 86.000.000 đồng. Nay bà C chỉ đồng ý trả cho bà H ông C số tiền nợ gốc là 86.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ và không đồng ý trả lãi suất.

- Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Thọ Đ vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ trình bày: Ngày 14/10/2018, vợ chồng ông Trần Thọ Đ và bà là Võ Thị C có vay của bà Lê Thị Thanh H số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 20/01/2019, vợ chồng ông Đ và bà C tiếp tục đến vay của bà H số tiền 40.000.000 đồng. Khi vay, bà H yêu cầu cả hai vợ chồng ông Đ và bà C pH cùng ký vào Giấy vay tiền thì bà H mới cho vay tiền. Tuy nhiên, số tiền hai lần vợ

chồng ông Đ bà C ký vay tổng số tiền là 110.000.000 đồng là do bà C vay hộ người khác, không liên quan đến ông Đ nên bà C có trách nhiệm trả nợ cho bà H, ông Đ không liên quan nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh H.

- *Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Công C vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông C trình bày:* Ngày 14/10/2018 và ngày 20/01/2019, vợ chồng ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C có vay của ông Bùi Công C và bà Lê Thị Thanh H tổng số tiền 110.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau khi vay sẽ trả, lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng. Khi vay có giấy vay tiền cả hai vợ chồng ông Đ, bà C cùng ký vay. Đến hạn trả nợ nhưng ông Đ bà C không trả. Nay ông C yêu cầu ông Đ bà C trả cho ông C bà H số tiền nợ gốc còn lại là 106.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

- *Tại phiên Tòà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, 1 bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Riêng bị đơn là ông Trần Thọ Đ đã được tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Thọ Đ là có căn cứ. Nhìn C vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã được sửa đổi của nguyên đơn. Buộc ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C số tiền nợ gốc là 106.000.000 đồng (Một trăm linh sáu triệu đồng) và tiền lãi suất 45.427.000 đồng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: Buộc bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" mà bị đơn cư trú tại, xã Hoa Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao, tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Đ vắng mặt, còn bà C có tham gia và trình bày ý kiến nhưng khi kết thúc phiên họp, bà C không ký vào biên bản nên Tòa án đã lập biên bản về việc bà C không ký vào biên bản để có căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông Trần Thọ Đ vẫn cố tình vắng mặt. Đối với ông Bùi Công C đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông C, ông Đ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, yêu cầu vợ chồng ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C trả số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C trả số tiền nợ gốc là 106.000.000 đồng. Xét yêu cầu của của nguyên đơn là hợp pháp, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét yêu cầu khởi kiện đã được sửa đổi của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai: Vào ngày 14/10/2018, vợ chồng ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C đến nhà bà Lê Thị Thanh H vay của bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), hẹn đến ngày 14/11/2018 trả nợ. Ngày 20/01/2019, vợ chồng ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C đến nhà bà Lê Thị Thanh H vay của bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), hẹn đến ngày 20/02/2019 trả nợ. Tổng số tiền ông Đ bà C đã vay của bà H và ông C là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), lãi suất theo ngân hàng. Cả 2 lần vay tiền, ông Đ và bà C đã cùng ký vào giấy vay tiền. Khi đến hạn và quá hạn trả nợ như đã thỏa thuận, mặc dù bà H đã nhiều lần gọi điện thoại cho ông Đ, bà C cũng như đến tận nơi ở để yêu cầu ông Đ, bà C thanh toán số tiền trên nhưng ông Đ và bà C vẫn không trả. Đến nay, bà H mới nhận của ông Đ bà C số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) là tiền bà H mua thịt lơn của bà C. Vì vậy, số tiền nợ gốc còn lại là 106.000.000 đồng (Một trăm linh sáu triệu đồng). Nay bà Lê Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C trả cho bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công Chúng số tiền gốc là 106.000.000 đồng (Một trăm linh sáu triệu đồng) và tiền lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng kể từ ngày vay là ngày 20/01/2019 đến nay.

Đồng bị đơn là bà Võ Thị C và ông Trần Thọ Đ khai: Năm 2018 và 2019, vợ chồng bà đã vay của bà Lê Thị Thanh H tổng số tiền 110.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền vay này là do bà C vay hộ cho người khác, không liên quan đến

ông Đ. Nhưng khi vay, bà H yêu cầu cả hai vợ chồng cùng ký vào giấy vay tiền thì bà H mới cho vay tiền vì vậy cả ông Đ và bà C đều ký vào giấy vay tiền để vay tiền của bà H. Do bà C vay hộ tiền cho người khác nên bà C có trách nhiệm trả nợ cho bà H, ông Đ không liên quan. Ngoài ra, bà C còn khai khi vay tiền bà H tính lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày, vì vậy số tiền lãi suất hàng tháng bà C đã trả cho bà H là 12.300.000 đồng từ ngày vay cho đến ngày 01/3/2021 (âm lịch) thì không có tiền để trả cho bà H nữa. Đối với số tiền gốc, bà C đã trả cho ông C số tiền 20.000.000 đồng ông C đã ghi vào sổ nên yêu cầu bà H xuất trình sổ đã ghi và trừ số tiền 4.000.000 đồng là tiền thịt lợn bà H mua của bà C. Vì vậy, tổng số tiền nợ gốc bà C còn nợ bà H còn lại là 86.000.000 đồng. Nay bà C chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc là 86.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ và không đồng ý trả lãi suất.

2.2. Xét thấy: Ngày 14/10/2018, vợ chồng ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C đến nhà bà Lê Thị Thanh H vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng; Ngày 20/01/2019, vợ chồng ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C tiếp tục đến nhà bà Lê Thị Thanh H vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), mỗi lần vay đều làm giấy vay tiền và cả vợ chồng ông Đ bà C cùng ký vay tiền. Tổng số tiền ông Đ bà C đã vay của bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công Chúng 2 lần là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) đã được các bên thừa nhận là có thật nên không pH chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà C và ông Đ nại rằng: Việc vay tiền là do bà C vay hộ người khác, không liên quan đến ông Đ nên bà C có trách nhiệm trả nợ cho bà H, còn ông Đ không liên quan. Xét lời nại của ông Đ và bà C là không có căn cứ, do ông Đ bà C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, hơn nữa việc vay tiền đều do ông Đ bà C cùng ký vào giấy vay tiền. Vì vậy, cần buộc ông Trần Thọ Đ bà Võ Thị C pH thực hiện nghĩa vụ trả nợ C theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền gốc, bà C nại rằng: Đã trả cho ông Bùi Công C số tiền 20.000.000 đồng, ông C có ghi vào sổ nên yêu cầu ông C và bà H xuất trình sổ ghi. Tuy nhiên, ông C bà H đều nại rằng bà C chưa trả nợ và không có sổ ghi trả nợ nào khác ngoài 2 giấy vay tiền mà bà H đã giao nộp cho Tòa án. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận lời nại của bà C đã trả số tiền gốc 20.000.000 đồng cho ông C bà H. Đối với số tiền 4.000.000 đồng, bà H mua thịt lợn của bà C đã được các bên thừa nhận và thống nhất trừ vào số tiền nợ gốc. Nên cần chấp nhận trừ số tiền 4.000.000 đồng vào tiền nợ gốc cho bà C và ông Đ.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định số tiền nợ gốc ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C còn nợ bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C là 106.000.000 đồng (Một trăm linh sáu triệu đồng). Sau khi đến hạn trả nợ, mặc dù bà H ông C đã hỏi rất nhiều lần nhưng ông Đ bà C vẫn không trả nợ. Vì vậy, cần buộc ông

Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C số tiền nợ gốc là 106.000.000 đồng (Một trăm linh sáu triệu đồng) theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

2.3. Về tiền lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C yêu cầu ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C trả tiền lãi suất từ ngày 20/01/2019 đến nay theo lãi suất ngân hàng. Xét yêu cầu của bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 điều 466 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận là đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi vay hai bên không thỏa thuận rõ về lãi suất và khi đến hạn trả nợ, mặc dù bà H đã hỏi nhiều lần nhưng ông Đ bà C vẫn không trả nợ. Vì vậy, cần buộc ông Đ bà C trả lãi suất cho bà H ông C theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

Xét các khoản vay giữa ông Đ bà C và bà H ông C tại thời điểm vay không rõ về lãi suất và trong quá trình giải quyết vụ án các bên có tranh chấp về mức lãi suất. Vì vậy, mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tức là bằng 10%/năm, tương ứng với 0,83%/tháng. Do đó, tiền lãi suất của số tiền 106.000.000 đồng tính từ 20/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 09/5/2023) là 51 (Năm mươi mốt) tháng 19 (Mười C) ngày, tương ứng với số tiền: 45.427.000 đồng. Nên cần buộc ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C số tiền lãi suất từ ngày 20/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 09/5/2023) là: 45.427.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

Như vậy, cần buộc ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho cho bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C số tiền nợ gốc là 106.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 20/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 09/5/2023) là: 45.427.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là: 151.427.000 đồng theo quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C được chấp nhận nên ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C pH nộp 7.571.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị Thanh H số tiền 2.650.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã được sửa đổi của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thanh H và ông Bùi Công C số tiền nợ gốc là: 106.000.000 đồng (Một trăm linh sáu triệu đồng) và tiền lãi suất từ ngày 20/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/5/2023) là: 45.427.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là: 151.427.000 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người pH thi hành án chưa thi hành xong thì còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí:

- Buộc ông Trần Thọ Đ và bà Võ Thị C phải nộp 7.571.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí 2.650.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0000249 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nhận kể từ ngày được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ.